


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SODIUM BICARBONATE	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 144-55-8 Số UN: Số đăng ký EC: 205-633-8 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: Bicar, Natri bicarbonate	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Sodium Bicarbonate	
Tên khác (không là tên khoa học): Baking Soda; Natri Axit cacbonat; Cacbonat monosodium; Natri hydro Cacbonat; Muối monosodium axit cacbon	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN 30/17 Đường HT31, KP01, p.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: (028).6683.3399 – 6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: dùng trong SX thức ăn chăn nuôi, trong ngành thực phẩm, y khoa,	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sodium bicarbonate	144-55-8	NaHCO ₃	100%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...):

Hơi nguy hiểm khi tiếp xúc với da (kích thích), tiếp xúc mắt (kích thích), ăn phải, hít phải.

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Khi được nung nhiệt, hóa chất sẽ phát ra khí hăng và khói kích ứng mắt.

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: gây kích ứng

- Đường thở: có thể gây ra kích ứng hệ hô hấp, triệu chứng như ho, hắt xì, nghẹt thở

- Đường da: gây kích ứng

- Đường tiêu hóa: triệu chứng khi nuốt quá liều là khát nước, đau bụng, viêm dạ dày và bỏng hệ tiêu hóa.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):

Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút. Cần gọi sự trợ giúp y tế.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Trong trường hợp tiếp xúc, rửa ngay với nhiều nước và xà phòng. Xoa vùng da bị nhiễm bẩn với thuốc làm mềm. Thay quần áo nếu bị nhiễm bẩn. Quần áo phải được tẩy giặt trước khi sử dụng lại. Cần gọi sự trợ giúp y tế.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Cần đưa nạn nhân tới nơi thoáng mát. Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Gọi cấp cứu.

Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Gọi sự trợ giúp từ y tế.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Gọi trợ giúp từ y tế.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): không cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: không áp dụng

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): không có giá trị

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác : không áp dụng

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: không áp dụng

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rơi vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Sử dụng xẻng xúc bỏ hóa chất vào thùng chứa chất bỏ, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và có thể cho đổ tràn tới hệ thống cống.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Không được nuốt hay hít bụi hóa chất. Nếu nuốt phải, cần gọi sự trợ giúp từ y tế. Để hóa chất tránh xa axit.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Đóng chặt nắp thùng chứa. Giữ trong điều kiện thoáng mát.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Bảo hộ cá nhân: kính an toàn, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang ngăn bụi, đảm bảo sử dụng mặt nạ phù hợp tương ứng, găng tay.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần. Trang phục bảo hộ có thể không cần thiết, tham khảo chuyên gia trước khi xử lý.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: rắn	Điểm sôi (°C): không có giá trị
Màu sắc: màu trắng	Điểm nóng chảy (°C): không có giá trị
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có giá trị
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không áp dụng	Nhiệt độ tự cháy (°C): không có giá trị
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : không áp dụng	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có giá trị
Độ hòa tan trong nước: tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có giá trị
Độ PH : không có giá trị	Tỷ lệ hóa hơi: không áp dụng
Khối lượng riêng (kg/m ³):	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Sản phẩm ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng với axit, độ ẩm. Chậm phân hủy trong khí ẩm.

- Không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh.

- Tác dụng với acid tạo carbon dioxide. Phản ứng mãnh liệt với monoammonium phosphate hay hỗn hợp kim loại Natri-kali.

- Phản ứng trùng hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Sodium Bicarbonate	LD ₅₀ :3360mg/kg	Độc cấp tính	Tiêu hóa	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...): không có giá trị

2. Các ảnh hưởng độc khác

- Da: tiếp xúc lâu dài và lặp lại có thể gây kích ứng, phá hủy và hoại tử da.

- Nuốt phải và hít phải: triệu chứng thường xuất hiện trong vòng 4-10 ngày sau khi lượng lớn hóa chất vào cơ thể. Việc tiếp xúc với lượng lớn hóa chất nhiều lần và kéo dài qua hệ tiêu hóa và hô hấp gây ra chuyển hóa bất thường và tích trữ sodium trong cơ thể. Những chuyển hóa bất thường như dư acid, tăng huyết áp, chứng hypematremia, hypochloremia, hay tích lũy natri có thể ảnh hưởng máu, thận, hệ hô hấp (xanh tím mặt, viêm phổi) và hệ tim mạch (tim đập nhanh, hạ huyết áp). Trường hợp nặng có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh. Não bộ sẽ thay đổi do những chuyển hóa bất thường. Kết quả dẫn đến mệt nhọc, cáu bẳn, chóng mặt, rối loạn trí óc, paresthesia, seizure, tetany, cerebral edema Medial conditions Aggravated. Người có làn da nhạy cảm nếu tiếp xúc với hóa chất, tình trạng sẽ gia tăng. Ở trường hợp nhẹ sẽ gây ra bệnh về thận, khử nước, mất cân bằng điện dịch, hạ huyết áp, chứng sarcoidosis, sung huyết, viêm da...

II. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Sodium Bicarbonate	KHÔNG CÓ THÔNG TIN		

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: không có sẵn

- Chỉ số BOD và COD: không có sẵn

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: các sản phẩm suy thoái ngắn hạn nguy hiểm có thể xảy ra.

- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: sản phẩm chính và sản phẩm phân hủy không gây độc.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)

Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

3. Biện pháp tiêu hủy

Tái sử dụng nếu có thể

Xử lý theo các quy định của kiểm soát môi trường.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng		Sodium Bicarbonate				Chưa có thông tin

nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						Chưa có thông tin

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

HMIS (U.S.A.):

Độc hại sức khỏe: 1

Nguy hiểm cháy: 0

Độ hoạt hóa: 0

Bảo vệ cá nhân: E

National Fire Protection Association (U.S.A.)

Sức khỏe: 1

Khả năng cháy: 0

Độ hoạt hóa: 0

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002.

Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 15-02-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc